

Số: **2410**/KLTT-ĐCKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác than tại Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin

Căn cứ quy định tại các điều 55 và 56 Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật khoáng sản đối với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 160/QĐ-ĐCKS ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản kết luận như sau:

I. Chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản

1. Kết quả thực hiện

Công ty cổ phần than Mông Dương-TKV được đổi tên thành Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin theo Thông báo số 76-2011/CV-HĐQT ngày 11 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương-TKV; Công ty có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 6 năm 2012, có ngành nghề kinh doanh: khai thác và thu gom than.

Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2760/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác than bằng phương pháp hầm lò tại các vỉa than: I(12), II(11), Ha(10a), H(10), G(9), K(8), L(7), M(6), N(5), O(4), P(3) khu trung tâm Mông Dương và các vỉa V11, V10, V9, V8, V7, V6, V1 khu Đông Bắc Mông Dương thuộc mỏ than Mông Dương, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 8,75 km²; mức sâu khai thác từ -100m đến -550m (khu Trung tâm Mông Dương) và từ +10m đến -150m (khu Đông Bắc Mông Dương); trữ lượng được phép khai thác: Khu trung tâm Mông Dương (trữ lượng địa chất 50.160.000 tấn than; trữ lượng công nghiệp 28.775.000 tấn than); khu Bắc Mông Dương (trữ lượng địa chất 20.062.000 tấn than; trữ lượng công nghiệp 8.080.000 tấn than), công suất khai thác: 2.000.000 tấn than/năm, thời hạn khai thác là 19 năm.

Công ty có Biên bản xác nhận mốc ranh giới khai thác than tại thực địa của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân thị xã, phường có liên quan thực hiện ngày 18 tháng 6 năm 2009; có Quyết định số 4283/QĐ-ĐT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương-TKV phê duyệt thiết kế kỹ thuật-Tổng dự

toán đầu tư xây dựng công trình khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương; đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản kèm bản đồ hiện trạng khai thác; đã lập bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 02 năm 2012 và thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; đã thông báo kế hoạch khai thác với cơ quan chức năng của nhà nước; có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 56/GP-ATMT ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Cục kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp-Bộ Công Thương; có Quyết định số 153/QĐ-HĐTLKS/CD ngày 16 tháng 6 năm 2011 và Quyết định số 173/QĐ-HĐTLKS/CD ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc công nhận kết quả tổng hợp tài liệu, tính lại trữ lượng và chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên than khu Mông Dương, thị xã Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh; có Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư khai thác giai đoạn II - mỏ than Mông Dương”. Công ty đã ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với số tiền là: 454.330.000 đồng tại các Giấy xác nhận số 103/QBVMT-KQ ngày 12 tháng 3 năm 2009; số 122/QBVMT-KQ ngày 31 tháng 3 năm 2009; số 278/QBVMT-KQ ngày 03 tháng 3 năm 2010; số 196/QBVMT-KQ ngày 25 tháng 01 năm 2011; số 557/QBVMT-KQ ngày 30 tháng 3 năm 2012; số 151/GXN-QBVMT ngày 27 tháng 12 năm 2012 và số 503/QBVMT-KQ ngày 28 tháng 02 năm 2013 tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam; có sổ Đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000027.T ngày 29 tháng 8 năm 2012; Công ty đã hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng, ngành nghề kinh doanh theo quy định về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về kết quả thực hiện. Đã thực hiện quan trắc giám sát môi trường định kỳ 4 lần/năm; có Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh gia hạn thời hạn sử dụng đất đối với các diện tích đã thuê thuộc các Quyết định số 1153/QĐ-UB ngày 21 tháng 4 năm 2005 và số 3421/QĐ-UB ngày 27 tháng 09 năm 2002 với diện tích 2.030.923,6m² để làm khai trường và xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ khai thác than tại phường Mông Dương, thời hạn được gia hạn đến năm 2027; có Hợp đồng thuê đất số 122/HĐTD ngày 30 tháng 7 năm 2008 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là 1.100.791,1m², sử dụng vào mục đích làm khai trường khai thác than, kho bãi và nhà ở cho CBCNV tại phường Mông Dương, thời hạn thuê đất là 20 năm đối với khu vực nhà ở công nhân và 5 năm đối với các khu vực khai thác và cửa lò.

Về công tác thăm dò than: Ngày ngày 06 tháng 10 năm 2008, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2527/QĐ-TN phê duyệt khối lượng thi công và dự toán phương án TDBS phần sâu mỏ than Mông Dương và sau đó có Quyết định số 2895/QĐ-TN ngày 01 tháng 12 năm 2008 phê duyệt điều chỉnh dự toán phương án TDBS với khối lượng 74LK/46.930m.

2. Các vi phạm, tồn tại

2.1. Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán lập chưa phù hợp với Dự án đầu tư đã phê duyệt về mức sâu khai thác, cụ thể là: mức sâu khai thác tại khu Trung tâm Mông Dương xác định trong Dự án đầu tư đến mức -550m, trong khi mức sâu khai thác tại thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán là -250 m.

2.2. Theo thông báo kết quả rà soát, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản số 265/TB-ĐCKS ngày 01/8/2011 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, thiết kế mỏ không phù hợp với nội dung Giấy phép được cấp, phải điều chỉnh cho phù hợp, nhưng đến nay Công ty vẫn chưa hoàn thành là không thực hiện đúng yêu cầu của thông báo nêu trên.

2.3. Chưa nộp thiết kế mỏ đã phê duyệt cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản.

2.4. Ký hợp đồng với Công ty Địa chất Mỏ-TKV (số 365/HĐ-KHMD ngày 8 tháng 10 năm 2008) đề thi công 74LK, trong đó có 50 lỗ khoan sâu hơn chiều sâu quy định tại Giấy phép khai thác nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản cho phép; 24 lỗ khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, độ sâu được phép khai thác nhưng chưa thông báo khối lượng, thời gian thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép trước khi thực hiện.

2.5. Năm 2012 khai thác lộ thiên được 402.471 tấn than nguyên khai khi Giấy phép khai thác khoáng sản số 2702/GP-BTNMT ngày 29/12/2008 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty đã hết hạn kể từ ngày 31/12/2011.

2.6. Theo thông báo kết quả rà soát, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản số 265/TB-ĐCKS ngày 01/8/2011 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản thì Công ty phải thực hiện việc xin giấy phép xả vào nguồn nước, nhưng đến nay công việc này vẫn chưa hoàn thành là không thực hiện đúng yêu cầu của Thông báo nêu trên.

2.7. Chưa hoàn thành việc thuê diện tích đất đang sử dụng: Đất để làm câu lạc bộ công nhân là 2.180,1m²; đất để làm trạm xử lý nước sinh hoạt là 907,7 m²; đất để làm mặt bằng +7,5 là 11.666,3 m²; đất để làm mặt bằng +40 Đông Bắc Mông Dương là 14.019,2 m².

2.8. Chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn của nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

II. Yêu cầu khắc phục vi phạm

1. Điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán cho phù hợp với nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và Dự án đầu tư đã phê duyệt và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản.

2. Hoàn thành việc xin cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước.

3. Hoàn thành việc thuê diện tích đất đang sử dụng: Đất để làm câu lạc bộ công nhân là 2.180,1m²; đất để làm trạm xử lý nước sinh hoạt là 907,7 m²; đất để làm mặt bằng +7,5 là 11.666,3 m² và đất để làm mặt bằng +40 Đông bắc Mông Dương là 14.019,2 m².

4. Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, Công ty phải hoàn thành các nội dung công việc nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiền (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở TN & MT tỉnh Quảng Ninh;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam;
- Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin;
- Lưu VP, KSHĐKS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thuán

